

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 05-01-2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh; ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 182/2020/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2020/QĐXXST-HS ngày 23/12/2020, đối với bị cáo:

Hoàng A; giới tính: nam; sinh ngày 03/6/1998; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn K, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn T và con bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con. Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 3/2018 đến tháng 01/2020 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2020, bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đặng Thị Huyền T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Khiếu Ngọc T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 37, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 04/10/2020, bị cáo Hoàng A đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83 đi trên đường P thuộc khu vực trước cửa trường Chuyên Thái Bình thì phát hiện phía trước đi cùng chiều có chị Lê Thị A điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu đen, biển số 17B6-419.41 chở sau là hai mẹ con chị Đặng Thị Huyền T và cháu Hoàng Quốc N. Bị cáo Hoàng A thấy chị T đeo chéo bên trái người 01 chiếc túi xách giả da màu đen, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng trị giá 14.950.000 đồng, 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên Hoàng Văn B, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Thị Huyền T và số tiền 1.700.000 đồng nên bị cáo Hoàng Anh nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khi chị A điều khiển xe máy đi đến khu vực trước cửa Trung tâm tổ chức sự kiện tiệc cưới C trên đường M kéo dài hướng về xã P thì bị cáo Hoàng A bất ngờ tăng ga áp sát bên trái xe chị A và dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách của chị T làm xe máy chị A điều khiển đổ ra đường. Sau đó bị cáo Hoàng A tăng ga bỏ chạy ra đường N hướng về huyện V. Khi đến khu vực phường P, thành phố T, bị cáo Hoàng A dừng xe để kiểm tra túi xách và lấy chiếc điện thoại di động, toàn bộ giấy tờ và số tiền 1.700.000 đồng còn chiếc túi xách vất xuống sông. Sau đó, bị cáo Hoàng A đến cây ATM của Ngân hàng Vietcombank đặt tại khu vực trước

cổng Công ty L thuộc phường K để rút tiền trong thẻ ATM của anh Hoàng Văn B nhưng không được nên bị cáo đã vất thẻ ATM cùng toàn bộ giấy tờ vào thùng rác đặt trong cây ATM và điều khiển xe đi về. Khoảng 09 giờ ngày 05/10/2020, bị cáo Hoàng A đến cửa hàng mua bán điện thoại di động do anh Trần Ngọc L làm chủ quán để bán chiếc điện thoại di động của chị T với giá 11.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt và bán điện thoại của chị T, bị cáo Hoàng A mua 01 chiếc IPAD nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen với giá 1.400.000 đồng và đưa 10.000.000 đồng cho bố là ông Hoàng Văn T; bị cáo chi tiêu cá nhân hết 860.000 đồng, còn lại 440.000 đồng để trong ví. Sau khi mua điện thoại của bị cáo Hoàng A, anh L đã bán lại cho anh Khiếu Ngọc T với giá 10.800.000 đồng. Sau đó anh T đã bán chiếc điện thoại này cho anh Đỗ Văn V với giá 13.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc điện thoại trên.

Kết luận định giá tài sản số 43/KLĐG-HĐĐG ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng là 14.950.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKSTPTB ngày 22/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Hoàng A về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; điều 54; điều 38; Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Anh mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T 1.700.000 đồng và hoàn trả cho anh V 11.000.000 đồng, chuyển số tiền 12.700.000 đồng mà bố bị cáo Hoàng A đã nộp và thu giữ của bị cáo để bồi thường cho bị hại và hoàn trả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46; điều 47; điều 48 Bộ luật hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại chị Đặng Thị Huyền T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng; 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM mang tên Hoàng Văn B; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Thị Huyền T. Chị T đã nhận lại những tài sản trên trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường 01 chiếc túi xách giả da, màu đen nên không đặt ra giải quyết.

+ Trả lại chị Hoàng Thị N 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83.

+ Trả lại bị cáo 01 chiếc ví giả da, màu nâu đã qua sử dụng và 01 chiếc IPAD mini nhãn hiệu SamSung nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần lửng vải bò, màu xanh; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen; 01 chiếc mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen (dạng mũ lưỡi trai); 01 đôi dép tông màu đỏ - đen thu giữ của bị cáo.

- Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị N đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83 và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại là chị Đặng Thị Huyền T (bút lục số 29; số 31 đến 36); biên giao nhận đồ vật, tài liệu (bút lục số 56; 66; 165); biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường (bút lục số 138 đến 141); biên bản xác định địa điểm (bút lục số 57; 161 đến 164); biên bản xem xét dấu vết trên thân thể và bản ảnh (bút lục số 46; 47; 54; 55); kết luận định giá tài sản số 43/KLĐG-HĐĐG ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T (bút lục số 106); kết luận giám định số 7795/C09-P6 ngày 26/11/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (bút lục số 110); biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Ngọc L, anh Đỗ Văn V, anh Khiếu Ngọc T và chị Hoàng Thị N (bút lục số 60 đến 65; 67 đến 78; 91; 92); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Lê Thị A và ông Đỗ Văn H (bút lục số 37 đến 41; 85; 86). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 04/10/2020, tại khu vực trước cửa Trung tâm tổ chức sự kiện tiệc cưới C trên đường M kéo dài hướng về xã P, thành phố T, bị cáo Hoàng A có hành vi điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83 áp sát bên trái xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu đen, biển số 17B6-419.41 do chị Lê Thị A điều khiển chở sau là hai mẹ con chị Đặng Thị Huyền T và dùng tay phải giật chiếc túi xách giả da màu đen của chị T đeo chéo bên trái người, bên trong túi xách có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng trị giá 14.950.000 đồng; 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên Hoàng Văn B; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Thị Huyền T và số tiền 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Hoàng A đã chiếm đoạt là 16.650.000 đồng. Hành vi cướp giật của bị cáo là công khai và nhanh chóng tẩu thoát. Vì vậy, bị cáo Hoàng A đã phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điều 171 Bộ luật Hình sự. Bị cáo điều khiển xe

máy giật túi xách của chị T đang ngồi sau xe máy của chị A điều khiển, gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của chị A và mẹ con chị T nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 171 Bộ luật Hình sự: Tội “Cướp giật tài sản” quy định: “1. *Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: ...d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm. ...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam và được khen thưởng; bị hại là chị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng A hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do bị cáo có việc làm và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bố đẻ bị cáo là ông Hoàng Văn T đã nộp cho cơ quan điều tra 10.000.000 đồng, trước khi xét xử, ông To nộp tiếp 2.260.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra, Cơ quan điều tra thu

giữ của bị cáo 440.000 đồng, tổng cộng là 12.700.000 đồng. Bị hại là chị Đặng Thị Huyền T yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.700.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, người liên quan là anh Đỗ Văn V yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã mua điện thoại là 11.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị T và anh V là phù hợp quy định tại điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T 1.700.000 đồng và buộc bị cáo hoàn trả cho anh Đỗ Văn V 11.000.000 đồng, chuyển số tiền 12.700.000 đồng mà Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đang quản lý để bồi thường cho chị T và hoàn trả cho anh V.

[6] Về vật chứng vụ án:

[6.1] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng; 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM mang tên Hoàng Văn B; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Thị Huyền T là tài sản hợp pháp của chị Đặng Thị Huyền T nên cơ quan điều tra đã trả lại chị T, chị T đã nhận lại những tài sản trên trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[6.2] Đối với 01 chiếc túi xách giả da, màu đen mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị T, chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[6.3] Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83 là tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị N, chị N không biết bị cáo mượn xe để đi đâu, làm gì nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Hoàng Thị N.

[6.4] Đối với 01 chiếc ví giả da, màu nâu đã qua sử dụng và 01 chiếc IPAD mini nhãn hiệu SamSung, vỏ màu đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo nên áp dụng điều 46 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6.5] Đối với 01 chiếc quần lửng vải bò, màu xanh; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen; 01 chiếc mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen (dạng mũ lưỡi trai); 01 đôi dép tông màu đỏ - đen là tài sản của bị cáo bị thu giữ, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với anh Trần Ngọc L là người mua chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt của chị T, anh L không biết chiếc điện thoại trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh L.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; điều 54; điều 38; điều 46; điều 47; điều 48 Bộ luật Hình sự; căn cứ các điều 106, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng A **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Hoàng A phải bồi thường cho chị Đặng Thị Huyền T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình 1.700.000 đồng trong tổng số tiền số tiền 12.700.000 đồng mà bố của bị cáo là ông Hoàng Văn T đã nộp và thu giữ của bị cáo do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đang quản lý.

3.2. Buộc bị cáo Hoàng A phải hoàn trả cho anh Đỗ Văn V, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm 02, xã L thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 11.000.000 đồng trong tổng số tiền số tiền 12.700.000 đồng mà bố của bị cáo là ông Hoàng Văn T đã nộp và thu giữ của bị cáo do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đang quản lý.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Trả lại chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 17B6-081.83.

4.2. Trả lại bị cáo Hoàng A 01 chiếc ví giả da, màu nâu đã qua sử dụng và 01 chiếc IPAD mini nhãn hiệu SamSung, vỏ màu đen, đã qua sử dụng nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần lửng vải bò, màu xanh; 01 chiếc áo phông ngắn tay, màu đen; 01 chiếc mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen (dạng mũ lưỡi trai); 01 đôi dép tông màu đỏ - đen thu giữ của bị cáo.

(Vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 23/12/2020).

5. Về án phí: Bị cáo Hoàng A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo Hoàng A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/01/2021. Bị hại là chị Đặng Thị Huyền Trang; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Ngọc L; anh Khiếu Ngọc T và anh Đỗ Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Bị cáo; bị hại; người có QLVLA;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- Nhà tạm giữ công an TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.